

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA

Chứng chỉ Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản

Khóa ngày: 24/10/2020; Địa điểm thi: Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học CĐ Bách Khoa

TT	SBD	Họ và Tên	tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Điểm LT	Điểm TH	Kết quả
1	20C2410.001	Nguyễn Thị Kim	Anh	21/10/1999	Quảng Nam	5.6	5.5	Đạt
2	20C2410.002	Nguyễn Trúc Quỳnh	Anh	17/02/1999	Kon Tum	5.2	6.0	Đạt
3	20C2410.003	Trần Thị Kim	Ánh	16/11/1982	Đà Nẵng	6.4	6.0	Đạt
4	20C2410.004	Đoàn Vi	Bảo	01/01/1981	Quảng Nam	6.8	5.5	Đạt
5	20C2410.005	Lê Văn	Bình	27/01/1983	Đà Nẵng	6.0	7.0	Đạt
6	20C2410.006	Nguyễn Văn	Cư	05/05/1980	Đà Nẵng	6.4	7.0	Đạt
7	20C2410.007	Đỗ Việt	Cường	10/10/1993	Quảng Bình	8.4	8.0	Đạt
8	20C2410.010	Hồ Thăng	Đại	21/02/1993	Đà Nẵng	6.8	7.5	Đạt
9	20C2410.008	Võ Văn	Diện	02/03/1975	Đà Nẵng	6.0	5.5	Đạt
10	20C2410.011	Trịnh Quốc	Đức	03/02/1983	Quảng Nam	6.0	5.0	Đạt
11	20C2410.009	Nguyễn Thị	Dung	10/11/1970	Đà Nẵng	6.4	5.5	Đạt
12	20C2410.012	Đặng Thị Thu	Hà	19/06/1978	Quảng Nam	6.4	5.5	Đạt
13	20C2410.013	Lê Thị Thu	Hà	02/12/1982	Quảng Bình	5.2	6.0	Đạt
14	20C2410.014	Lê Thu	Hà	27/07/1983	Lai Châu	6.8	5.5	Đạt
15	20C2410.015	Nguyễn Thị Vân	Hà	24/05/1999	Quảng Nam	6.4	6.0	Đạt
16	20C2410.016	Nguyễn Văn	Hải	20/08/1973	Hà Nam	5.6	5.0	Đạt
17	20C2410.019	Nguyễn Thị Minh	Hằng	01/03/1990	Đà Nẵng	8.8	9.5	Đạt
18	20C2410.017	Trần Thị Mỹ	Hạnh	12/12/1981	Đà Nẵng	7.6	5.5	Đạt
19	20C2410.018	Nguyễn Khánh	Hào	16/12/1975	Hà Tĩnh	5.2	6.0	Đạt
20	20C2410.020	Nguyễn Văn Minh	Hiền	12/05/1995	Đà Nẵng	7.2	7.5	Đạt
21	20C2410.021	Trần Văn	Hiền	19/10/1973	Nam Định	5.2	5.5	Đạt
22	20C2410.022	Hồ Thị Bích	Hoa	29/11/1978	Đà Nẵng	6.0	5.0	Đạt
23	20C2410.024	Đoàn Thị	Huế	29/09/1983	Hà Nội	6.0	5.0	Đạt
24	20C2410.026	Phan Thị Thanh	Hương	19/06/1986	Quảng Bình	6.4	7.0	Đạt
25	20C2410.025	Nguyễn Ngọc	Huỳnh	20/05/1989	Đà Nẵng	6.0	5.5	Đạt
26	20C2410.028	Phan Thị	Lài	20/04/1979	Đà Nẵng	5.6	5.5	Đạt
27	20C2410.029	Nguyễn Ngọc	Lắm	13/10/1991	Quảng Nam	6.0	5.0	Đạt
28	20C2410.030	Nguyễn Thị Hồng	Lê	20/09/1993	Hà Tĩnh	6.4	7.0	Đạt
29	20C2410.031	Huỳnh Thị Kim	Liên	16/09/1978	Đà Nẵng	7.2	6.0	Đạt
30	20C2410.032	Nguyễn Thị	Liễu	03/09/1985	Quảng Nam	6.8	6.0	Đạt
31	20C2410.033	Kim Thị Thùy	Linh	17/11/1979	Vĩnh Phúc	7.2	6.0	Đạt

TT	SBD	Họ và Tên	tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Điểm LT	Điểm TH	Kết quả
32	20C2410.034	Huỳnh Thị Hồng	Lý	23/12/1988	Đà Nẵng	6.4	8.0	Đạt
33	20C2410.036	Phạm Lê Diệp	Ngân	09/03/1990	Đà Nẵng	7.2	7.0	Đạt
34	20C2410.037	Phạm Thị	Ngọc	09/09/1998	Hà Tĩnh	6.8	5.5	Đạt
35	20C2410.038	Đỗ Hoàng	Nhân	21/10/1995	Đà Nẵng	6.4	6.0	Đạt
36	20C2410.039	Phạm Thị Hồng	Nhung	27/12/1999	Quảng Bình	5.6	7.0	Đạt
37	20C2410.041	Nguyễn Thanh	Oai	15/07/1987	Thanh Hóa	7.2	6.0	Đạt
38	20C2410.042	Trần Thị Kim	Oanh	14/02/1983	Đà Nẵng	6.4	8.0	Đạt
39	20C2410.043	Huỳnh Thanh	Phong	20/11/1974	Đà Nẵng	5.6	6.0	Đạt
40	20C2410.044	Nguyễn Cao	Phong	03/12/1989	Đà Nẵng	6.8	5.5	Đạt
41	20C2410.045	Lê Văn	Phúc	15/07/1991	Đà Nẵng	6.0	8.0	Đạt
42	20C2410.046	Nguyễn Thị Lan	Phương	15/03/1970	Thừa Thiên Huế	5.6	5.0	Đạt
43	20C2410.047	Võ Thị Kim	Phương	01/01/1999	Quảng Nam	8.4	7.0	Đạt
44	20C2410.048	Trần Văn	Quang	02/01/1982	Quảng Nam	8.0	7.0	Đạt
45	20C2410.049	Phan Phú	Quốc	21/11/1985	Quảng Ngãi	6.8	7.0	Đạt
46	20C2410.050	Phạm Ngọc	Tân	18/04/1986	Bình Định	6.8	7.5	Đạt
47	20C2410.051	Phan Sĩ	Tấn	06/10/1982	Bình Định	6.4	5.0	Đạt
48	20C2410.056	Lê Chí	Thanh	04/06/1984	Đà Nẵng	6.4	6.0	Đạt
49	20C2410.057	Bùi Thị	Thảo	12/10/1974	Nam Định	6.0	6.5	Đạt
50	20C2410.058	Lê Hoàng	Thảo	27/06/1995	Đà Nẵng	6.8	6.0	Đạt
51	20C2410.059	Lê Thị Dạ	Thảo	06/12/1969	Đà Nẵng	6.4	5.0	Đạt
52	20C2410.061	Trần Thị Kim	Thu	20/03/1973	Quảng Nam	6.0	5.5	Đạt
53	20C2410.062	Nguyễn Thọ	Thuận	20/02/1981	Thanh Hóa	8.0	6.0	Đạt
54	20C2410.063	Bùi Chung	Thủy	27/10/1983	Hà Nội	6.4	7.5	Đạt
55	20C2410.064	Cao Thị	Thủy	28/06/1972	Thanh Hóa	6.4	7.0	Đạt
56	20C2410.065	Hoàng Thị	Thủy	27/03/1999	Quảng Trị	6.0	6.0	Đạt
57	20C2410.066	Nguyễn Thị Thu	Thủy	03/06/1970	Đà Nẵng	6.0	5.5	Đạt
58	20C2410.067	Trương Thị	Thủy	15/10/1982	Quảng Nam	8.0	6.0	Đạt
59	20C2410.052	Đặng Ngọc	Tiến	04/10/1977	Quảng Nam	5.6	5.5	Đạt
60	20C2410.053	Lê Viết	Tiến	23/06/1988	Đà Nẵng	6.0	6.0	Đạt
61	20C2410.068	Nguyễn Thị	Trang	16/12/1981	Quảng Nam	9.6	5.5	Đạt
62	20C2410.069	Trần Thị Thu	Trang	25/08/1999	Quảng Nam	6.4	7.0	Đạt
63	20C2410.070	Đinh Quang	Trung	16/03/1986	Quảng Nam	5.6	5.5	Đạt
64	20C2410.055	Trần Kim	Tuấn	10/05/1977	Đà Nẵng	6.8	5.5	Đạt
65	20C2410.072	Võ Đặng Hoàng	Uyên	28/07/1991	Đà Nẵng	6.8	7.0	Đạt
66	20C2410.073	Nguyễn Thị Thu	Vân	04/10/1972	Đà Nẵng	6.0	5.5	Đạt